

Bản án số: 101/2025/HS-PT
Ngày 22 - 9 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2), xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 79/2025/TLPT - HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Lê Mạnh Q và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Mạnh Q, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Hiệu trưởng Trường THCS Đ2; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng ngày 04/10/2024; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Q1 và bà Quảng Thị H1; có vợ là Nguyễn Thị Thu T và có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015) tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh P (có mặt).

2. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Thôn H, xã B, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp trước khi khởi tố: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T1 và bà Lưu Thị L; có chồng là Nguyễn Trung T2 và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh P (có mặt).

3. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1980; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Thôn N, xã Đ, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp trước khi khởi tố: Thủ quỹ Trường THCS Đ2; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng ngày 09/4/2025; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ1 và bà Lê Thị T3; có vợ là Lê Thị Kim L1 và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra nhận được phiếu chuyển đơn số 1544 ngày 09/7/2024 của UBND huyện T về việc chuyển đơn tố giác của ông Lưu Tuấn L2 - Giáo viên trường THCS Đ2, T ghi ngày 15/5/2024, nội dung: *“Tố giác Lãnh đạo trường THCS Đ2, huyện T lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ lập khống chứng từ chiếm đoạt số tiền 250.000.000đồng”*. Kết quả điều tra, xác định được như sau:

I. Về mô hình, tổ chức, nhân sự của Trường trung học cơ sở (THCS) Đạo Trù, T:

Ngày 03/10/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T ra Quyết định số: 881/QĐ-UBND về việc tổ chức lại Trường THCS Đ2 và Trường THCS Đ2, thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thành Trường THCS Đ2, do ông Triệu Đức K làm Hiệu trưởng (*trước thời điểm tổ chức lại, Trường THCS Đ2 do ông Triệu Đức K làm Hiệu trưởng; Trường THCS Đ2 do ông Trần C là Phó hiệu trưởng phụ trách trường*).

Ngày 02/01/2019, ông Triệu Đức K về nghỉ hưu theo Quyết định số 03/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện T; Ngày 23/01/2019, UBND huyện T có Quyết định số: 117/QĐ-UBND-NV giao cho ông Trần C - Phó hiệu trưởng Trường THCS Đ2 phụ trách Trường THCS Đ2 (mới); Sau khi sáp nhập, Trường THCS Đ2 có 01 cơ sở. Cơ sở 1 là Trường THCS Đ2 (cũ) tại thôn X, xã Đ, huyện T; Cơ sở 2 là Trường THCS Đ2 (cũ) tại thôn V, xã Đ, huyện T; Nguyễn Thanh H (nguyên kế toán Trường THCS Đ2 cũ) được ông Trần C phân công tiếp tục giữ chức vụ kế toán Trường THCS Đ2 (*tại cả 2 cơ sở*); Nguyễn Xuân Đ (nguyên kế toán Trường THCS Đ2) được phân công giữ chức vụ thủ quỹ Trường THCS Đ2 (*tại cả 2 cơ sở*); Ngày 06/3/2019, Chủ tịch UBND huyện T có Quyết định số: 157/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn đối với Lê Mạnh Q giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Đ2 và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của nhà trường từ đó đến tháng 9/2024.

Trong quá trình hoạt động, Trường THCS Đ2 thuê ông Lý Thái P (nguyên là bảo vệ Trường THCS Đ2 cũ) tiếp tục làm bảo vệ tại Cơ sở 1 kiêm trông giữ phương tiện cho học sinh. Ông Lưu Văn N (nguyên là bảo vệ Trường THCS Đ2 cũ) tiếp tục làm bảo vệ ở Cơ sở 2 kiêm trông giữ phương tiện cho học sinh. Bà Nguyễn Thị Y (vợ ông P) làm nhân viên vệ sinh tại Cơ sở 1 và bà Dương Thị T4 (vợ ông N) làm nhân viên vệ sinh tại Cơ sở 2. Đến tháng 6/2019, ông P và bà Y nghỉ làm việc tại Cơ sở A, ông Lê Ngọc Y1 được nhận vào làm bảo vệ kiêm trông giữ phương tiện thay thế ông P; bà Trần Thị T5 (vợ ông Y1) thay bà Y làm vệ sinh tại Cơ sở 1.

II. Các hoạt động thu - chi của Trường THCS Đ2:

Trung bình mỗi năm, Trường THCS Đ2 được Nhà nước cấp kinh phí khoảng 05 tỷ đồng để bảo đảm chi cho các hoạt động của nhà trường, trong đó có khoản kinh phí bảo vệ và vệ sinh trường học.

Căn cứ Quyết định số: 18 ngày 15/6/2017 và Quyết định số: 34 ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh V quy định về giá dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; căn cứ các Văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh V, từ các năm học từ 2019-2020 đến 2023-2024, Trường THCS Đ2 đã thu của phụ huynh học sinh một số khoản, trong đó có phí trông giữ phương tiện của học sinh và phí vệ sinh khu vệ sinh của học sinh. Hằng năm, Nhà trường đều dựa trên các quy định nói trên để xây dựng “Quy chế chi tiêu nội bộ” trong đó quy định rõ về định mức thu, chi đối với từng nội dung, bao gồm các khoản thu, chi từ ngân sách; thu, chi từ các quỹ thỏa thuận với cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, với mục đích để có tiền chi tiêu cho giáo viên, nhân viên của Trường THCS Đ2, như chi quà tết, chi đi thăm quan, học tập kinh nghiệm Lê Mạnh Q với vai trò là Hiệu trưởng đã không tuân thủ quy định của pháp luật, không chấp hành đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường THCS Đ2, đã chỉ đạo Nguyễn Thanh H là kế toán và Nguyễn Xuân Đ là thủ quỹ của Nhà trường tính toán lại các khoản tiền công trả cho người lao động thực hiện công việc vệ sinh Nhà trường, người trông giữ phương tiện, người vệ sinh khu vệ sinh chung của học sinh.

Khi được H tham mưu, đề xuất, Q đồng ý chỉ đạo H và Đ làm hợp đồng thuê mướn, chứng từ chi tiền hàng tháng để thanh toán tiền công cho người lao động, rút tiền NSNN và quỹ thu được của học sinh về quỹ tiền mặt của trường học. Sau đó, Q chỉ đạo Đ chi trả thực tế thấp hơn số tiền đã nhập quỹ (việc chi trả thực tế ít hơn này đã thống nhất với người lao động), để rút tiền từ ngân sách Nhà nước, rút tiền từ quỹ thu được của học sinh, bỏ ngoài sổ sách kế toán, để chi cho các hoạt động khác của Trường THCS Đ2. Theo đó, hàng tháng, Nguyễn Thanh H lập các Hợp đồng lao động, ghi rõ mức tiền công trả cho người lao động, trình Lê Mạnh Q và người lao động ký; lập chứng từ thanh toán tiền công theo hợp đồng, trình Q và Đ ký để quyết toán. Sau khi rút tiền từ ngân sách Nhà nước và rút được tiền từ quỹ thu được của học sinh, Đ chi trả cho người lao động thấp hơn số tiền thể hiện trong hợp đồng, chứng từ, giữ lại số tiền chênh lệch, bỏ ngoài sổ sách kế toán để chi cho các hoạt động khác của nhà trường. Hàng tháng, Đ đều lập và in bảng tổng hợp thu - chi thực tế đưa Q kiểm tra ký xác nhận, đóng dấu của Nhà trường, cụ thể như sau:

+ Phụ cấp bảo vệ và vệ sinh trường học: Từ năm 2019 đến năm 2024, Trường THCS Đ2 nhận được tổng cộng 1.050.000.000đ tiền phụ cấp bảo vệ và vệ sinh trường học từ ngân sách Nhà nước (NSNN).

+ Phí trông giữ phương tiện: Từ năm 2019 đến 2024, Trường THCS Đ2 thu tiền trông giữ phương tiện (xe) của học sinh tại trường với mức thu thống nhất 15.000đ/học sinh/tháng.

Nguyễn Xuân Đ được giao thu tiền của học sinh tại Cơ sở 1; Vũ Thị Thanh H2 được giao thu tiền tại Cơ sở 2.

Từ năm 2019 đến tháng 9/2023, Nhà trường thu tiền mặt, số tiền thu được sau khi nộp thuế sẽ nhập vào quỹ Nhà trường. Từ tháng 9/2023 thu qua tài khoản 2809201002874 của Trường THCS Đ2 mở tại Ngân hàng A chi nhánh huyện T, H làm thủ tục kê khai nộp thuế, rút tiền mặt về bàn giao cho Đ nhập quỹ Nhà trường. Từ năm học 2018-2019 đến 2023-2024, Trường THCS Đ2 được 554.102.000đ tiền phí trông giữ phương tiện của học sinh.

+ Phí vệ sinh khu vệ sinh chung của học sinh: Từ năm 2021, Nhà trường thu tiền của học sinh để thuê lao động thực hiện vệ sinh Nhà vệ sinh chung của học sinh theo quy định. Tổng số tiền phí vệ sinh thu được từ năm 2021 đến tháng 5/2024 là 369.220.500đ. Sau khi rút tiền từ NSNN và nhập quỹ tiền thu được của học sinh, việc sử dụng các khoản tiền này được thực hiện như sau:

1. Việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ và vệ sinh trường học từ NSNN

1.1. Đối với phụ cấp bảo vệ (tiền NSNN).

Từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019, Trường THCS Đ2 ký hợp đồng từng tháng thuê ông Lý Thái P; từ tháng 7/2019 đến tháng 5/2024, ký hợp đồng từng tháng thuê ông Lê Ngọc Y1 làm bảo vệ tại Cơ sở 1. Từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2024, Trường THCS Đ2 ký hợp đồng từng tháng thuê ông Lưu Văn N làm bảo vệ tại Cơ sở 2.

Hàng tháng, Nguyễn Thanh H lập hợp đồng và chứng từ chuyển tiền công lao động để ông P, ông Y1, ông N ký nhận. Căn cứ chứng từ, Nguyễn Xuân Đ thực hiện việc chi trả tiền cho ông N, ông Y1 đầy đủ theo hợp đồng, chứng từ, không phát hiện vi phạm.

1.2. Đối với phụ cấp vệ sinh trường học (tiền NSNN)

Tại Cơ sở 1: Từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019, T6 THCS Đạo T7 thuê bà Nguyễn Thị Y (vợ ông Lý Thái P). Từ tháng 7/2019 đến tháng 5/2024, thuê bà Trần Thị T5 (vợ ông Lê Ngọc Y1) làm nhân viên vệ sinh.

Tại Cơ sở 2: Từ tháng 01/2019 đến tháng 5/2024, Nhà trường thuê bà Dương Thị T4 (vợ ông Lưu Văn N) làm nhân viên vệ sinh.

Hàng tháng, Nguyễn Thanh H lập hợp đồng trình Lê Mạnh Q – Hiệu trưởng ký đại diện Nhà trường (Bên A) và đưa cho ông Lý Thái P ký thay bà Nguyễn Thị Y; ông Lê Ngọc Y1 ký thay bà Trần Thị T5, ông Lưu Văn N ký thay bà Dương Thị T4 (Bên B). Bà Nguyễn Thị Y, Trần Thị T5, Dương Thị T4 dù không ký vào hợp đồng lao động nhưng đều thực hiện công việc vệ sinh

trường học. Trên cơ sở hợp đồng, hàng tháng H lập chứng từ thanh toán (Q, H, Đ đều ký vào chứng từ). Ông P, ông Y1, ông N ký chứng từ thanh toán và nhận tiền thay cho bà Nguyễn Thị Y, bà Dương Thị T4, bà Trần Thị T5, thể hiện đã nhận đủ tiền công như trong hợp đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, Nguyễn Xuân Đ thực hiện việc thanh toán tiền công cho các bà Nguyễn Thị Y, bà Dương Thị T4, bà Trần Thị T5 theo thỏa thuận miệng giữa Nhà trường với người lao động, thấp hơn trong hợp đồng, cụ thể:

- *Tại Cơ sở 1:*

+ *Đối với bà Nguyễn Thị Y:* Nhà trường đã ký kết các Hợp đồng vệ sinh thuê lao động vệ sinh từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019 đối với bà Nguyễn Thị Y; lập chứng từ (gồm: Giấy rút dự toán NSNN, Phiếu thu, Phiếu chi, Bảng thanh toán tiền công cho người lao động, G nhận tiền mặt) để làm thủ tục rút tiền từ NSNN và quyết toán. Các Hợp đồng và chứng từ thể hiện Nhà trường trả công cho bà Y 3.125.000đ/tháng (trong đó, hợp đồng lao động, chứng từ chi từ tháng 1-3/2019 = 9.375.000đ, H đưa cho ông Trần C ký vào bên giao khoán; chứng từ chi từ tháng 4-6/2019 = 9.375.000đ, H đưa cho Q ký bên giao khoán). Tổng số tiền công phải trả theo Hợp đồng và chứng từ cho bà Y từ tháng 1-6/2019 là 18.750.000đ. Thực tế, Đ chỉ trả cho bà Y (do ông P nhận tiền) từ tháng 1-6/2019 là 10.500.000đ (từ tháng 1-5/2019 là 2.000.000đ/tháng; từ tháng 6/2019 là 500.000đ); số tiền còn lại 8.250.000đ bỏ ngoài sổ sách kế toán để thanh toán cho các khoản chi chung của trường.

Đối với số tiền 8.250.000đ nêu trên do Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H đã làm thủ tục quyết toán xong vào đầu năm 2020; ông Trần C không tham gia quyết toán số tiền này.

+ *Đối với bà Trần Thị T5:* Nhà trường đã ký kết các Hợp đồng thuê lao động vệ sinh từ tháng 07/2019 - tháng 5/2024 đối với bà Trần Thị T5; lập chứng từ do Q, H, Đ và người lao động ký để làm thủ tục rút tiền từ NSNN và quyết toán. Các Hợp đồng và chứng từ thể hiện Nhà trường trả công cho bà Trần Thị T5 từ 3.125.000đ/tháng đến 4.350.000đ/tháng. Tổng số tiền công phải trả theo Hợp đồng lao động cho bà T5 từ tháng 7/2019 đến hết tháng 5/2024 là 214.700.000đ. Thực tế, Đ chỉ trả cho bà T5 thông Q2 ông Y1 tổng số 138.000.000đ. Số tiền bỏ ngoài sổ sách kế toán (để thanh toán cho các khoản chi chung của trường) là 76.700.000đ (trong đó, số tiền đã quyết toán xong 68.250.000đ, số tiền chưa quyết toán 8.450.000đ).

- *Tại cơ sở 2:* Nhà trường đã ký kết Hợp đồng thuê lao động vệ sinh từ tháng 01/2019 đến hết tháng 12/2023 đối với bà Dương Thị T4 (Hợp đồng lao động từ tháng 1-3/2019 do Trần C ký; từ tháng 4/2019 - 12/2023 do Q ký; từ tháng 01 - 5/2024 Q và H chưa kịp làm, ký hợp đồng nhưng bà T4 vẫn làm công việc vệ sinh); lập chứng từ đến hết tháng 5/2024 do Q, H, Đ và người lao động ký để làm thủ tục rút tiền từ NSNN và quyết toán.

Các Hợp đồng và chứng từ thể hiện nhà trường trả công cho bà Dương Thị T4 từ 3.125.000đ/tháng đến 4.350.000đ/ tháng. Tổng số tiền công phải trả cho bà T4 từ tháng 01/2019 đến hết tháng 5/2024 là 233.450.000đ. Thực tế, Đ

chỉ trả cho bà Tư thông Q2 ông N từ 1.000.000đ đến 2.500.000đ/ tháng, tổng số đã trả 81.250.000đ (đến hết tháng 5/2024); số tiền bỏ ngoài sổ sách kế toán (để thanh toán cho các khoản chi chung của trường THCS Đ2) là 152.200.000đ (trong đó, số tiền đã quyết toán xong là 136.250.000đ; số tiền chưa quyết toán là 15.950.000đ).

Từ tháng 8/2021, Nguyễn Thanh H làm thủ tục mở tài khoản tại Ngân hàng A1 chi nhánh T cho bà Trần Thị T5, Dương Thị T4 để thực hiện việc thanh toán tiền công hàng tháng qua tài khoản Ngân hàng. Sau khi được cấp tài khoản Ngân hàng thì H trực tiếp quản lý và sử dụng các thẻ ATM này. Hàng tháng, sau khi Ngân hàng chuyển tiền công theo như thể hiện trên các hợp đồng lao động thì H trực tiếp rút tiền từ 02 tài khoản này đưa cho Đ nhập quỹ, Đ thanh toán tiền mặt cho ông Y1 và ông N, số tiền chênh lệch giữ lại quỹ để chi tiêu. Đến tháng 5/2024, sau khi có đơn tố cáo, H đã trả lại thẻ ATM và tài khoản ngân hàng cho bà Trần Thị T5, bà Dương Thị T4. Thời điểm H trả thẻ cho bà Trần Thị T5 trong thẻ có 37.481.000đ; trả thẻ cho bà Dương Thị T4 trong thẻ có 37.557.000đ Nhà trường chưa rút sử dụng. Sau đó, bà Trần Thị T5 đã rút chi tiêu hết số tiền trong tài khoản; Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản của bà Dương Thị T4.

Tổng số tiền NSNN (phụ cấp vệ sinh trường học) mà Trường THCS Đ2 bỏ ngoài sổ sách kế toán từ hợp đồng vệ sinh của bà Nguyễn Thị Y, bà Trần Thị T5, bà Dương Thị T4 (từ tháng 01/2019 đến hết tháng 5/2024) là 237.150.000đ. Trong đó: Số tiền đã quyết toán xong là 8.250.000đ + 68.250.000đ + 136.250.000đ = 212.750.000đ. Số tiền chưa quyết toán với Nhà nước (từ tháng 1-5/2024) là 24.400.000đ. Như vậy, hành vi của Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ như đã nêu trên đã gây thiệt hại cho NSNN 212.750.000đ.

2. Việc sử dụng tiền thu của học sinh:

2.1. Việc chi trả tiền công trông giữ phương tiện cho học sinh:

- *Tại Cơ sở 1:* Nhà trường đã ký Hợp đồng giao khoán trông giữ phương tiện (xe đạp) ngắn hạn theo từng tháng, từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 đối với ông Lê Ngọc Y1; lập chứng từ gồm: Phiếu thu, Phiếu chi, bảng thanh toán tiền công cho người lao động. Sau đó Q, H, Đ và người lao động ký để làm thủ tục rút tiền từ quỹ thu được của học sinh, quyết toán với Kho bạc huyện T. Hợp đồng và chứng từ thể hiện số tiền công trông giữ phương tiện phải trả cho ông Y1 (từ tháng 9/2019 - 5/2024) từ 1.750.000đ/tháng đến 4.600.000đ/ tháng. Tổng số tiền công phải trả cho ông Y1 đến hết tháng 5/2024 là 147.250.000đ. Thực tế, Đ chỉ trả cho ông Y1 500.000đ đến 1.000.000đ/tháng. Tổng số là 27.500.000đ; số tiền bỏ ngoài sổ sách kế toán 119.750.000đ. Trong đó, số tiền đã quyết toán xong 101.750.000đ; số tiền chưa quyết toán là 18.000.000đ.

- *Tại Cơ sở 2:* Nhà trường đã ký Hợp đồng giao khoán trông giữ xe ngắn hạn theo từng tháng đối với ông Lưu Văn N (trong các năm học từ 2019-2020 đến 2023-2024); lập chứng từ gồm (Phiếu thu, Phiếu chi, bảng thanh toán tiền công cho người lao động) do Q, H, Đ và người lao động ký để làm thủ tục rút

tiền từ quỹ thu được của học sinh, quyết toán với Kho bạc huyện T. Theo hợp đồng và chứng từ số tiền công trông giữ phương tiện phải trả cho ông N (từ tháng 9/2019 - 5/2024) từ 3.500.000đ/tháng đến 4.600.000đ/ tháng, tổng số là 147.250.000đ; thực tế, Đ chỉ trả cho ông N 300.000đ/ tháng, tổng số là 12.300.000đ; số tiền bỏ ngoài sổ sách kế toán (để thanh toán cho các khoản chi chung của trường THCS Đ2) là 134.950.000đ, trong đó, số tiền đã quyết toán xong là 113.450.000đ; số tiền chưa quyết toán là 21.500.000đ. Tổng số tiền bỏ ngoài sổ sách kế toán từ hợp đồng trông giữ xe của ông Lê Ngọc Y1, ông Lưu Văn N (từ tháng 9/2019 đến hết tháng 5/2024) là 254.700.000đ. Trong đó: Số tiền đã quyết toán xong $101.750.000đ + 113.450.000đ = 215.200.000đ$; số tiền chưa quyết toán (từ tháng 1-5/2024) là $18.000.000 + 21.500.000 = 39.500.000đ$.

Căn cứ hướng dẫn của Sở Giáo dục & đào tạo tỉnh V và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thì trường THCS Đ2 phải trích tạo nguồn để cải cách tiền lương là 40% của 215.200.000đ. Do vậy, hành vi của Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ như đã nêu trên đã gây thiệt hại cho trường THCS Đ2 $215.200.000đ \times 40\% = 86.080.000đ$.

2.2. *Việc chi trả tiền công vệ sinh khu vệ sinh chung của học sinh (tiền thu của học sinh)*: Từ năm 2021 đến tháng 5/2024, Trường THCS Đ2 lập không các hợp đồng vệ sinh khu vệ sinh chung nhằm rút tiền từ khoản thu của học sinh để chi tiêu cho các hoạt động khác của Nhà trường, cụ thể:

- *Tại cơ sở 1*: Ký hợp đồng không với chị Lê Thị T8: Lê Mạnh Q và Nguyễn Thanh H biết ông Lê Ngọc Y1 có con gái là Lê Thị Trần N1 đã xin thông tin của chị T8 để điền vào các hợp đồng thuê lao động thực hiện công việc dọn dẹp khu vệ sinh chung của học sinh tại Cơ sở 1 từ tháng 9/2021 đến tháng 5/2024. Q và H đã lập các chứng từ thanh toán (Phiếu chi, Bảng thanh toán tiền công), thể hiện nhà trường trả tiền công cho chị T8 từ 4.000.000đ/tháng đến 7.000.000đ/tháng. Tổng số 143.000.000đ để làm thủ tục quyết toán với Kho bạc. Các hợp đồng và chứng từ H nhờ chị Trần K1 hợp thức, thực tế, chị T8 không làm công việc vệ sinh tại Nhà trường. Đ không chi trả tiền cho chị T8, mà giữ lại toàn bộ 143.000.000đ, bỏ ngoài sổ sách kế toán, chi tiêu cho các hoạt động khác của Trường THCS Đ2.

- *Tại cơ sở 2*:

+ *Ký hợp đồng không với chị Lưu Thị G1*: Lê Mạnh Q và Nguyễn Thanh H biết ông Lưu Văn N có con gái tên Lưu Thị G1 nên đã xin thông tin của chị G1 để điền vào các hợp đồng lao động thực hiện công việc phục vụ khu vệ sinh của học sinh tại Cơ sở 2 của Nhà trường. Sau đó, Q thỏa thuận sẽ trả cho ông N 1.500.000đ/01 tháng để ông N nhận thêm công việc vệ sinh nhà vệ sinh chung của học sinh tăng thêm thu nhập, do đang làm bảo vệ và trông xe tại trường nên ông N đồng ý và ký tên chị G1 tại các hợp đồng lao động và chứng từ thanh toán tiền công từ tháng 09/2021 đến tháng 5/2022. Các Hợp đồng và chứng từ thể hiện Nhà trường trả tiền công cho chị G1 $08 \text{ tháng} \times 4.000.000đ/\text{tháng} = 32.000.000đ$; Đ chỉ thanh toán cho ông N $1.500.000đ/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} =$

12.000.000đ; giữ lại 20.000.000đ bỏ ngoài sổ sách kế toán, chi tiêu cho các hoạt động khác của trường THCS Đ2.

- *Ký hợp đồng không với chị Lưu Thị H3*: Tháng 9/2022, chị G1 chết nên Q bảo ông N lấy tên con gái thứ 02 của ông N là chị Lưu Thị H3 đứng tên trong các hợp đồng lao động, ông N đồng ý. Từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2024, Nhà trường ký kết các hợp đồng lao động không lấy thông tin cá nhân của chị H3, ông N ký tên chị H3 tại các hợp đồng lao động và chứng từ thanh toán tiền, số tiền công ông N nhận hàng tháng do Đ chi trả vẫn là 1.500.000đ/01 tháng. Hợp đồng và chứng từ thể hiện nhà trường trả tiền công cho chị H3 từ 5.000.000đ/tháng đến 7.000.000đ/ tháng x 18 tháng = 108.000.000đ; Đ chỉ thanh toán cho ông N 1.500.000đ/ tháng; giữ lại 81.000.000đ bỏ ngoài sổ sách kế toán, chi tiêu cho các hoạt động khác của Trường THCS Đ2 trừ.

Tổng số tiền thu của học sinh (do lập không các hợp đồng vệ sinh khu vệ sinh chung đối với chị Lê Thị T8, Lưu Thị G1, Lưu Thị H3, từ tháng 9/2020 đến hết tháng 5/2024), bỏ ngoài sổ sách kế toán, để chi tiêu cho các hoạt động khác của Trường THCS Đ2 là 244.000.000đ. Như vậy, hành vi của Q, H, Đ như đã nêu trên đã gây thiệt hại cho học sinh 244.000.000đ.

Việc thu giữ vật chứng, tài liệu: Ngày 14/9/2024, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H. Kết quả: Thu giữ các tài liệu, chứng từ liên quan đến vụ án. Ngày 08/02/2025, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Nguyễn Xuân Đ. Kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì; Ngày 11/7/2024, Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thẻ cứng (thẻ rút tiền ATM) mang tên Dương Thị T4, mở tại Ngân hàng A chi nhánh huyện T; Lê Mạnh Q và Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Samsung màu đen, trắng, lắp sim số 0985.771.980 và 01 ĐTDD nhãn hiệu Samsung màu đen, lắp sim số 0962.149.816 để phục vụ công tác điều tra.

III. Về trung cầu và kết luận giám định tài chính – kế toán

1) Ngày 07/8/2024, CQĐT có Quyết định trung cầu giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh V, giám định: Tài chính - Kế toán.

Ngày 04/9/2024, Sở tài chính tỉnh V có bản kết luận giám định số 05; Ngày 27/11/2024, Sở tài chính tỉnh V có bản kết luận giám định số 08 thay thế Kết luận giám định số 05 ngày 04/9/2024, kết luận:

7.1. Nội dung 1: Nguồn kinh phí hỗ trợ hợp đồng thuê bảo vệ, vệ sinh các điểm trường từ năm 2020 đến 2024 từ nguồn ngân sách Nhà nước và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T hằng năm phân bổ, giao cho Trường THCS Đ2 trong dự toán đầu năm; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Do vậy, hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 ký hợp đồng vệ sinh với bà Dương Thị T4 lập chứng từ để rút số tiền 195.950.000 đ từ ngân sách Nhà nước sau đó không chi trả tiền công đúng theo nội dung hợp đồng đã ký và không ký hợp đồng lao động từ tháng 01 đến tháng 5/2024 nhưng vẫn lập chứng từ rút tiền từ ngân sách

nhà nước sau đó giữ lại tổng số tiền là 130.700.000đ để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2. Đến ngày 14/6/2024, Lê Mạnh Q và Nguyễn Thanh H đã nộp lại ngân sách Nhà nước 103.325.000đ (Trong đó: Có khoản tiền 20.950.000đ và 82.375.000đ) như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

- Vi phạm trong lĩnh vực về Kế toán, cụ thể:

+ Vi phạm Yêu cầu kế toán tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán 2015: “4. *Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.*”

+ Vi phạm Nguyên tắc kế toán tại Khoản 3 Điều 6 Luật Kế toán 2015: “3. *Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.*”

+ Vi phạm Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Luật Kế toán 2015:

“1. *Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác.*

2. *Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.*”

- Vi phạm trong lĩnh vực về Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Vi phạm quy định tại khoản 3, Điều 18, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015:

“3. *Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.*”

Hành vi nêu trên có gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Số tiền Ngân sách Nhà nước bị thiệt hại là 114.750.000đ. (Tổng số tiền nhà trường giữ lại là 130.700.000đ trừ đi số tiền nhà trường giữ lại năm 2024 là 15.950.000đ do năm 2024 chưa thực hiện quyết toán NSNN). Cụ thể theo biểu dưới đây:

ĐVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	2020	Tháng 1 đến tháng 12	3.125.000	1.000.000	2.125.000	25.500.000	
2	2021	Tháng 1 đến tháng 4, tháng 8 đến tháng 12	3.125.000	1.000.000	2.125.000	19.125.000	
		Tháng 5	3.125.000	2.050.000	1.075.000	1.075.000	
		Tháng 6, 7	3.125.000	2.100.000	1.025.000	2.050.000	
3	2022	Tháng 1	4.350.000	1.000.000	3.350.000	3.350.000	
		Tháng 2 đến tháng 5	4.150.000	1.000.000	3.150.000	12.600.000	

		Tháng 6 đến tháng 8	4.150.000	2.500.000	1.650.000	4.950.000	
		Tháng 9 đến tháng 12	4.150.000	1.000.000	3.150.000	12.600.000	
4	2023	Tháng 1	4.350.000	1.000.000	3.350.000	3.350.000	
		Tháng 2 đến tháng 5	4.150.000	1.000.000	3.150.000	12.600.000	
		Tháng 6 đến tháng 8	4.150.000	2.500.000	1.650.000	4.950.000	
		Tháng 9 đến tháng 12	4.150.000	1.000.000	3.150.000	12.600.000	
5	2024		Chưa ký hợp đồng			15.950.000	Chưa quyết toán NSNN
Tổng cộng (1+2+3+4)						114.750.000	

7.2. Nội dung 2: Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 ký hợp đồng vệ sinh với bà Trần Thị T5 lập chứng từ để rút số tiền 195.950.000đ từ ngân sách Nhà nước sau đó không chi trả tiền công đúng theo nội dung hợp đồng đã ký giữa hai bên mà giữ lại tổng số tiền là 63.450.000đ để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể các nội dung vi phạm tương tự với Nội dung 1 đã nêu ở trên. Hành vi nêu trên có gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Số tiền Ngân sách Nhà nước bị thiệt hại là 55.000.000đ. (Tổng số tiền nhà trường giữ lại là 63.450.000đ trừ đi số tiền nhà trường giữ lại năm 2024 là 8.450.000đ do năm 2024 chưa thực hiện quyết toán NSNN). Cụ thể theo biểu dưới đây:

DVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	2020	Tháng 1 đến tháng 12	3.125.000	2.500.000	625.000	7.500.000	
2	2021	Tháng 1 đến tháng 12	3.125.000	2.500.000	625.000	7.500.000	
3	2022	Tháng 1	4.350.000	2.500.000	1.850.000	1.850.000	
		Tháng 2 đến tháng 12	4.150.000	2.500.000	1.650.000	18.150.000	
4	2023	Tháng 1	4.350.000	2.500.000	1.850.000	1.850.000	
		Tháng 2 đến tháng 12	4.150.000	2.500.000	1.650.000	18.150.000	
5	2024	Tháng 1	4.350.000	2.500.000	1.850.000	1.850.000	Chưa quyết toán NSNN
		Tháng 2 đến tháng 5	4.150.000	2.500.000	1.650.000	6.600.000	

	Tổng cộng (1+2+3+4)				55.000.000	
--	--------------------------------	--	--	--	-------------------	--

7.3. Nội dung 3: Nguồn kinh phí chi trả hợp đồng thuê trông giữ xe các điểm trường từ năm 2020 đến 2024 là nguồn thu từ học sinh theo mức thu quy định tại Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND tỉnh V, là khoản thu giá dịch vụ thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 ký hợp đồng giao khoán trông giữ xe tại trường THCS Đ2 với ông Lê Ngọc Y1 nhưng không chi trả tiền công đúng theo nội dung hợp đồng đã ký giữa hai bên, mà giữ lại với tổng số tiền là 97.500.000 đồng để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Vi phạm trong lĩnh vực về Kế toán, cụ thể:

+ Vi phạm Yêu cầu kế toán tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán 2015: “4. *Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.*”

+ Vi phạm Nguyên tắc kế toán tại Khoản 3 Điều 6 Luật Kế toán 2015: “3. *Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.*”

+ Vi phạm Khoản 2 Điều 13 Luật Kế toán 2015:

“2. *Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.*”

Khoản tiền chênh lệch thu, chi từ nguồn trông giữ xe Nhà trường phải thực hiện trích tạo nguồn Cải cách tiền lương 40%, phần còn lại trích các quỹ (trong đó có quỹ phúc lợi) theo hướng dẫn của Sở G (tại các văn bản số 1321/SGDĐT-KHTC ngày 18/9/2020, 1390/SGDĐT-KHTC ngày 08/9/2021, 1466/SGDĐT-KHTC ngày 15/8/2022, 1517/SGDĐT-KHTC ngày 13/9/2023) và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị từ năm 2020 đến năm 2023. Do vậy khoản phải trích 40% nguồn cải cách tiền lương là thiệt hại của Trường THCS Đ2, khoản còn lại (60%) theo hồ sơ do Công an huyện T cung cấp thể hiện Nhà trường đã chi cho các khoản chi phúc lợi của nhà trường nên chưa đủ căn cứ để xác định số tiền thiệt hại cho Trường THCS Đ2. Số tiền thiệt hại cho Trường THCS Đ2 là 31.800.000đ. Cụ thể:

+ Tổng số tiền Nhà trường giữ lại là 97.500.000đ trừ đi số tiền nhà trường giữ lại năm 2024 là 18.000.000đ (do năm 2024 chưa thực hiện quyết toán nguồn trông giữ xe) bằng 79.500.000đ.

+ Số phải trích nguồn Cải cách tiền lương (40%) là: 79.500.000đ x 40% = 31.800.000đ. Chi tiết theo biểu dưới đây:

DVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
-----	-----	-------	---------------------------	-----------------------------	----------------------	---------	---------

			(đ/tháng)				
1	2020	Tháng 9 đến tháng 12	3.500.000	500.000	3.000.000	12.000.000	
2	2021	Tháng 1,2, 4, 9 đến tháng 12	3.500.000	500.000	3.000.000	21.000.000	
3	2022	Tháng 1, 2, 4, 5, 9 đến tháng 12	3.500.000	500.000	3.000.000	24.000.000	
4	2023	Tháng 1 đến tháng 5, tháng 9 đến tháng 12	3.500.000	1.000.000	2.500.000	22.500.000	
5	2024	Tháng 1 đến tháng 5	4.600.000	1.000.000	3.600.000	18.000.000	Chưa quyết toán nguồn
Tổng cộng (1+2+3+4)						79.500.000	
Số trích Cải cách tiền lương (40%)						31.800.000	

Giám định viên tư pháp không trả lời câu hỏi “Số tiền này có bị chiếm đoạt không? Nếu bị chiếm đoạt thì là bao nhiêu?”.

7.4. Nội dung 4: Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 ký hợp đồng giao khoán trông giữ xe tại trường THCS Đ2 với ông Lưu Văn N nhưng không chi trả tiền công đúng theo nội dung hợp đồng đã ký giữa hai bên, mà giữ lại với tổng số tiền là 111.100.000đ. (Một trăm mười một nghìn một trăm nghìn đồng) để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể các nội dung vi phạm tương tự với Nội dung 3 đã nêu ở trên. Số tiền thiệt hại cho Trường THCS Đ2 là 35.840.000đ. Cụ thể:

+ Tổng số tiền nhà trường giữ lại là 111.100.000đ trừ đi số tiền Nhà trường giữ lại năm 2024 là 21.500.000đ (do năm 2024 chưa thực hiện quyết toán nguồn trông giữ xe) bằng 89.600.000

+ Số phải trích nguồn Cải cách tiền lương (40%) là: $89.600.000 \times 40\% = 35.840.000\text{đ}$. Chi tiết theo biểu dưới đây:

DVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	2020	Tháng 9 đến tháng 12	3.500.000	300.000	3.200.000	12.800.000	
2	2021	Tháng 1,2, 4, 9 đến tháng 12	3.500.000	300.000	3.200.000	22.400.000	
3	2022	Tháng 1, 2, 4, 5, 9 đến tháng 12	3.500.000	300.000	3.200.000	25.600.000	

4	2023	Tháng 1 đến tháng 5, tháng 9 đến tháng 12	3.500.000	300.000	3.200.000	28.800.000	
5	2024	Tháng 1 đến tháng 5	4.600.000	300.000	4.300.000	21.500.000	Chưa quyết toán nguồn
Tổng cộng (1+2+3+4)						89.600.000	
Số trích Cải cách tiền lương (40%)						35.840.000	

Giám định viên tư pháp không trả lời câu hỏi “Số tiền này có bị chiếm đoạt không? Nếu bị chiếm đoạt thì là bao nhiêu?”.

7.5. Nội dung 5: Nguồn kinh phí chi trả hợp đồng phục vụ vệ sinh khu vệ sinh của học sinh các điểm trường từ năm 2021 đến 2024 là nguồn thu từ học sinh theo quy định tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND tỉnh V. Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND quy định: “2. Nguyên tắc: Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại Nghị quyết này đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, có sự thống nhất giữa nhà trường với phụ huynh học sinh, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và thu nhập của người dân trên địa bàn”; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Do vậy, hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 lập hợp đồng lao động không thực hiện công việc phục vụ vệ sinh khu vệ sinh của học sinh tại Trường THCS Đ2 với bà Lê Thị T8 sử dụng số tiền là 143.000.000đ để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Vi phạm trong lĩnh vực về Kế toán, cụ thể:

+ Vi phạm Yêu cầu kế toán tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán 2015: “4. Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.”

+ Vi phạm Nguyên tắc kế toán tại Khoản 3 Điều 6 Luật Kế toán 2015: “3. Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.”

+ Vi phạm Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Luật Kế toán 2015:

“1. Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác.

2. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.”

+ Vi phạm nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND quy định nêu trên.

Hành vi nêu trên gây thiệt hại cho học sinh số tiền là 143.000.000đ . Cụ thể theo biểu dưới đây:

ĐVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	2021	Tháng 9 đến tháng 12	4.000.000	0	4.000.000	16.000.000	
2	2022	Tháng 1, 2, 4, 5	4.000.000	0	4.000.000	16.000.000	
		Tháng 9 đến tháng 12	7.000.000	0	7.000.000	28.000.000	
3	2023	Tháng 1, 2, 3, 4, 5	7.000.000	0	7.000.000	35.000.000	
		Tháng 6	3.000.000	0	3.000.000	3.000.000	
		Tháng 9 đến tháng 12	5.000.000	0	5.000.000	20.000.000	
4	2024	Tháng 1 đến tháng 5	5.000.000	0	5.000.000	25.000.000	
Tổng cộng (1+2+3+4)						143.000.000	

Giám định viên tư pháp không trả lời câu hỏi “Số tiền này có bị chiếm đoạt không? Nếu bị chiếm đoạt thì là bao nhiêu?”.

7.6. Nội dung 6: Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 ký hợp đồng lao động không thực hiện công việc phục vụ vệ sinh khu vệ sinh của học sinh tại trường THCS Đ2 với bà Lưu Thị G1 sau đó sử dụng số tiền 20.000.000đ để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể các nội dung vi phạm tương tự với Nội dung 5 đã nêu ở trên. Hành vi nêu trên gây thiệt hại cho học sinh số tiền là 20.000.000đ. Cụ thể theo biểu dưới đây:

ĐVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	2021	Tháng 9 đến tháng 12	4.000.000	1.500.000	2.500.000	10.000.000	
2	2022	Tháng 1, 2, 4, 5	4.000.000	1.500.000	2.500.000	10.000.000	
Tổng cộng (1+2)						20.000.000	

Giám định viên tư pháp không trả lời câu hỏi “Số tiền này có bị chiếm đoạt không? Nếu bị chiếm đoạt thì là bao nhiêu?”.

7.7. Nội dung 7: Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng và Nguyễn Thanh H - Kế toán của Trường THCS Đ2 ký hợp đồng lao động không thực hiện công việc phục vụ vệ sinh khu vệ sinh của học sinh tại trường THCS Đ2 với bà Lưu Thị H3 sau đó giữ lại số tiền 81.00.000đ để chi tiêu cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể các nội dung vi

phạm tương tự với Nội dung 5 đã nêu ở trên. Hành vi nêu trên gây thiệt hại cho học sinh số tiền là 81.000.000đ. Cụ thể theo biểu dưới đây:

ĐVT: đồng

STT	Năm	Tháng	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	2022	Tháng 9 đến tháng 12	7.000.000	1.500.000	5.500.000	22.000.000	
2	2023	Tháng 1 đến tháng 5	7.000.000	1.500.000	5.500.000	27.500.000	
		Tháng 9 đến tháng 12	5.000.000	1.500.000	3.500.000	14.000.000	
3	2024	Tháng 1 đến tháng 5	5.000.000	1.500.000	3.500.000	17.500.000	
Tổng cộng (1+2+3)						81.000.000	

Giám định viên tư pháp không trả lời câu hỏi “Số tiền này có bị chiếm đoạt không? Nếu bị chiếm đoạt thì là bao nhiêu?”.

2) Căn cứ kết quả điều tra mở rộng vụ án, ngày 20/12/2024, CQĐT có Quyết định Trưng cầu giám định bổ sung số 1517, trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh V giám định đối với hoạt động thu – chi năm 2019 và 1 số tháng của năm 2020. Ngày 17/02/2025, Sở tài chính tỉnh V đã giám định, kết luận:

1. Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng, Nguyễn Thanh H - Kế toán, Nguyễn Xuân Đ - Thủ quỹ của Trường THCS Đ2 ký các hợp đồng vệ sinh với bà Nguyễn Thị Y, bà Trần Thị T5, bà Dương Thị T4 trong năm 2019, lập chứng từ để rút tổng số tiền 75.000.000đ từ Ngân sách Nhà nước sau đó không chi trả tiền công đúng theo nội dung hợp đồng đã ký mà giữ lại tổng số tiền là 43.000.000đ để chi tiêu hết cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

- Vi phạm trong lĩnh vực về Kế toán, cụ thể:

+ Vi phạm Yêu cầu kế toán tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán 2015: “4. *Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.*”

+ Vi phạm Nguyên tắc kế toán tại Khoản 3 Điều 6 Luật Kế toán 2015: “3. *Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.*”

+ Vi phạm Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Luật Kế toán 2015:

“1. *Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác.*

2. *Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.*”

- Vi phạm trong lĩnh vực về Ngân sách nhà nước, cụ thể: Vi phạm quy định tại khoản 3, Điều 18, Luật Ngân sách nhà nước 2015:

“3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; *chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích*; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.”

Hành vi nêu trên có gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Số tiền Ngân sách Nhà nước bị thiệt hại là 43.000.000đ. Cụ thể theo biểu dưới đây:

ĐVT: đồng

STT	Người thực hiện hợp đồng	Thời gian	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Yên					8.250.000	
		Tháng 1 đến tháng 5	3.125.000	2.000.000	1.125.000	5.625.000	
		Tháng 6	3.125.000	500.000	2.625.000	2.625.000	
2	Trần Thị Tư					13.250.000	
		Tháng 7	3.125.000	500.000	2.625.000	2.625.000	
		Tháng 8 đến tháng 12	3.125.000	1.000.000	2.125.000	10.625.000	
3	Dương Thị Tư					21.500.000	
		Tháng 1 đến tháng 5	3.125.000	2.000.000	1.125.000	5.625.000	
		Tháng 6, 7	3.125.000	500.000	2.625.000	5.250.000	
		Tháng 8 đến tháng 12	3.125.000	1.000.000	2.125.000	10.625.000	
	Tổng cộng (1+2+3)					43.000.000	

2. Hành vi của Lê Mạnh Q - Hiệu trưởng, Nguyễn Thanh H - Kế toán, Nguyễn Xuân Đ - Thủ quỹ của Trường THCS Đ2 ký các hợp đồng giao khoán trông giữ xe đạp tại trường THCS Đ2 với ông Lê Ngọc Y1 và ông Lưu Văn N, lập chứng từ quyết toán thể hiện đã thanh toán đầy đủ tiền công hợp đồng cho Lê Ngọc Y1 và Lưu Văn N nhưng không chi trả tiền công đúng theo nội dung hợp đồng đã ký giữa hai bên, mà giữ lại với tổng số tiền là 46.100.000đ để chi tiêu hết cho các hoạt động của Trường THCS Đ2 như vậy là hành vi vi phạm pháp luật. Vi phạm trong lĩnh vực về Kế toán, cụ thể:

+ Vi phạm Yêu cầu kế toán tại Khoản 4 Điều 5 Luật Kế toán 2015: “4. *Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.*”

+ Vi phạm Nguyên tắc kế toán tại Khoản 3 Điều 6 Luật Kế toán 2015: “3. *Đơn vị kế toán phải thu thập, phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.*”

+ Vi phạm Khoản 2 Điều 13 Luật Kế toán 2015:

“2. *Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.*”

Khoản tiền chênh lệch thu, chi từ nguồn trông giữ xe Nhà trường phải thực hiện trích tạo nguồn Cải cách tiền lương 40%, phần còn lại trích các quỹ (trong đó có quỹ phúc lợi) theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 964/SGDDT-KHTC ngày 22/8/2018 và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị từ năm 2019. Do vậy khoản phải trích 40% nguồn Cải cách tiền lương là thiệt hại của trường THCS Đ2, khoản còn lại (60%) theo hồ sơ do Công an huyện T cung cấp thể hiện Nhà trường có chi cho các khoản chi phúc lợi của nhà trường nên chưa đủ căn cứ để xác định số tiền thiệt hại cho Trường THCS Đ2. Số tiền thiệt hại cho Trường THCS Đ2 là 18.440.000đ. Cụ thể: Số phải trích nguồn Cải cách tiền lương (40%) là: 46.100.000 đồng x 40%= 18.440.000đ. Chi tiết theo biểu dưới đây:

ĐVT: đồng

STT	Người thực hiện hợp đồng	Thời gian	Số tiền ghi trên hợp đồng (đ/tháng)	Số tiền thực nhận (đ/tháng)	Chênh lệch (đ/tháng)	Tổng số	Ghi chú
1	Lê Ngọc Yên					22.250.000	
		Tháng 9 đến tháng 12 năm 2019	3.500.000	500.000	3.000.000	12.000.000	
		Tháng 1, 5, 6 năm 2020	3.500.000	500.000	3.000.000	9.000.000	
		Tháng 7 năm 2020	1.750.000	500.000	1.250.000	1.250.000	
2	Lưu Văn Năm					23.850.000	
		Tháng 9 đến tháng 12 năm 2019	3.500.000	300.000	3.200.000	12.800.000	
		Tháng 1, 5, 6 năm 2020	3.500.000	300.000	3.200.000	9.600.000	
		Tháng 7 năm 2020	1.750.000	300.000	1.450.000	1.450.000	
	Tổng cộng (1+2)					46.100.000	
	Trích nguồn Cải cách tiền lương (40%)					18.440.000	

Căn cứ 02 bản Kết luận giám định số 08 ngày 27/11/2024 và bản Kết luận giám định số 01 ngày 17.02.2025 của Sở tài chính tỉnh V xác định: Tổng số tiền Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ gây thiệt hại là 542.830.000đ (trong đó, thiệt hại Ngân sách nhà nước 212.750.000đ; thiệt hại cho Trường THCS Đ2; thiệt hại cho học sinh Trường THCS Đ2 244.000.000đ). Việc chi, sử dụng khoản tiền chênh lệch từ các hợp đồng lao động: Quá trình điều tra xác định, số tiền chênh lệch từ các hợp đồng, chứng từ mà trường THCS Đ2 đã bỏ ngoài sổ sách kế toán được sử dụng để chi cho các hoạt động sau: Chi hỗ trợ giáo viên đi thăm quan, học tập kinh nghiệm tổng số 73.050.000đ; Chi quà cho giáo viên, nhân viên vào các dịp đầu năm mới, ngày Quốc tế phụ nữ 08/3, ngày Tết trung thu, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 các năm 316.120.000đ; C1 thăm hỏi ốm đau cho giáo viên, nhân viên và thân nhân 76.487.000đ; Chi may trang phục cho giáo viên 67.025.000đ; Chi hỗ trợ tiền

điện thoại, trực tết cho người lao động 29.100.000đ; Chi mua sắm thiết bị, mua cây trồng, sửa chữa nhỏ nhà trường 52.540.000đ; Chi tiền ăn uống, từ thiện 15.760.000đ; Chi trả tiền dịch vụ viễn thông 5.268.000đ. Ngoài ra còn một số khoản ăn uống, đi lại ... vv, nhưng các bị can không nhớ và đã làm mất chứng từ, CQĐT không chứng minh được các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này. Toàn bộ số tiền mà Trường THCS Đ2 đã chi như đã trên (trừ khoản tiền chi trả dịch vụ viễn thông Internet), được thể hiện tại các danh sách chi tiền, danh sách người được nhận tiền (có ký nhận của người nhận), ngoài ra không có hoá đơn, chứng từ gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 14/6/2024, Lê Mạnh Q đưa cho Nguyễn Thanh H 103.325.000đ nộp khắc phục tại Kho bạc Nhà nước huyện T (tiền của cá nhân Lê Mạnh Q) khắc phục tiền chi sai cho bà Dương Thị T4 trong hợp đồng vệ sinh từ tháng 10/2021 đến tháng 5/2024; Ngày 08/10/2024, chị Nguyễn Thị Thu T (vợ Q) đã nộp khắc phục thiệt hại thay cho Q tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo số tiền 100.000.000đ. Tổng số tiền Q và gia đình đã giao nộp để khắc phục hậu quả 203.325.000đ; Ngày 24/6/2024, Nguyễn Thanh H đã nộp 65.750.000đ tại Kho bạc Nhà nước huyện T khắc phục tiền chi sai cho bà Dương Thị T4 trong hợp đồng vệ sinh từ tháng 4/2019 - tháng 9/2021; Ngày 08/10/2024, bà Lưu Thị L (mẹ H) nộp khắc phục thiệt hại thay cho H tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo số tiền 100.000.000đ. Tổng số tiền H và gia đình đã giao nộp để khắc phục hậu quả 165.750.000đ; Ngày 21/02/2025, Nguyễn Xuân Đ đã nộp tiền để khắc phục hậu quả số tiền 50.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 2809215002428 mang tên Nguyễn Xuân Đ (số dư đến ngày 15/10/2024 là 109.666.120đ) và tài khoản số 2809215003892 mang tên Nguyễn Thanh H (số dư đến ngày 15/10/2024 là 3.567.432đ) đều mở tại A chi nhánh huyện T.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Mạnh Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/9/2024).

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 02 (Hai) năm tù 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/9/2024); xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 02 (hai) năm (06) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời gian 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 28/6/2025, bị cáo Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo, ngày 30/6/2025 bị cáo Nguyễn Xuân Đ có đơn kháng cáo đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 29/6/2025, bị cáo Lê Mạnh Q có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, xin giảm hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng tội danh, các bị cáo không bị oan, các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo Lê Mạnh Q xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi nghe tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đã phát biểu và có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Mạnh Q; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt theo hướng giữ nguyên hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân Đ nhưng cho các bị cáo này được hưởng án treo, án định thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc gia đình, tiếp tục cống hiến cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Mạnh Q xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo Q là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong các năm học từ 2019 - 2024, Lê Mạnh Q là Hiệu trưởng, Nguyễn Thanh H là kế toán, Nguyễn Xuân Đ là thủ quỹ trường THCS Đ2 có hành vi lập hợp đồng thuê người lao động, lập chứng từ thanh toán, rút tiền NSNN cấp; rút tiền thu của học sinh (*từ nguồn thu trông giữ phương tiện, tiền vệ sinh khu vệ chung của học sinh*), thực hiện chi trả cho người lao động thấp hơn số tiền công ghi trong hợp đồng, giữ lại tiền chênh lệch, bỏ ngoài sổ sách kế toán, để chi vào các hoạt động khác của Trường THCS Đ2 gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 212.750.000đ; gây thiệt hại cho Trường THCS Đ2 số tiền 86.080.000đ; gây thiệt hại cho học sinh số tiền 244.000.000đ. Tổng số tiền các bị cáo gây thiệt hại 542.830.000đ.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sự hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây mất uy tín, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với ngành giáo dục. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[4]. Xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong vụ án này, Lê Mạnh Q là Hiệu trưởng trường THCS Đ2 đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, không chấp hành đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường THCS Đ2, đã chỉ đạo Nguyễn Thanh H là kế toán và Nguyễn Xuân Đ là thủ quỹ của Nhà trường tính toán lại các khoản tiền công trả cho người lao động thực hiện công việc vệ sinh Nhà trường, người trông giữ phương tiện, người vệ sinh khu vệ sinh chung của học sinh. Q đã chỉ đạo H và Đ làm hợp đồng thuê mướn, chứng từ chi tiền hàng tháng để thanh toán tiền công cho người lao động, rút tiền NSNN và quỹ thu được của học sinh về quỹ tiền mặt của trường học. Sau đó, Q chỉ đạo Đ chi trả thực tế thấp hơn số tiền đã nhập quỹ, để rút tiền từ ngân sách Nhà nước, rút tiền từ quỹ thu được của học sinh, bỏ ngoài sổ sách kế toán, để chi cho các hoạt động khác của Trường THCS Đ2. Như vậy, vai trò của bị cáo Lê Mạnh Q là người đứng đầu đơn vị, chỉ đạo cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội nên có trách nhiệm nặng nhất.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cụ thể: Xử bị cáo Nguyễn Thanh H 02 năm 9 tháng tù, bị cáo Nguyễn Xuân Đ 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết phúc thẩm Tòa án đã nhận được văn bản đề nghị của cán bộ, công chức của UBND xã Đ; Chủ tịch liên đoàn lao động huyện T; hội phụ huynh học sinh trường THCS Đ2 với nội dung đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ. Gia đình bị cáo H nộp: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H của trưởng thôn và một số công dân nơi bị cáo H sinh sống; Giấy xác nhận của Ban chỉ huy quân sự huyện B về việc ông Nguyễn Xuân T1 (bố bị cáo H) tham gia chiến tranh, bảo vệ tổ quốc; giấy khen của ông Nguyễn Trung T2 (chồng bị cáo H); thẻ hội cựu chiến binh và các giấy khen của ông Nguyễn Đức T9 (là bố chồng bị cáo H); biên lai thu tiền truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thanh H (do bà Lưu Thị L mẹ bị cáo nộp thay). Bị cáo Nguyễn Xuân Đ cung cấp cho Tòa án Biên lai thu tiền truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho các bị cáo H và Đ.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo đã thể hiện tính khoan hồng của pháp luật nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, thấy: Bị cáo Nguyễn Thanh H là kế toán, người tham mưu cho Q và Nguyễn Xuân Đ là thủ quỹ, các bị cáo là người trực tiếp thực hiện tội phạm theo sự chỉ đạo của bị cáo Q, là đồng phạm giản đơn, có vai trò thứ yếu trong vụ án, không được hưởng lợi gì, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà cho hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi các bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Q, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H, Đ là phù hợp, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do bị cáo Lê Mạnh Q rút kháng cáo, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân Đ được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 342, Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Mạnh Q, Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo (22/9/2025);

[2]. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân Đ.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

[2.1]. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 328 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thanh H nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

[2.2]. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao: Bị cáo Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Phú Thọ; bị cáo Nguyễn Xuân Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách của án treo, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 9 - Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Bình Xuyên, Đại Đình – tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- UBKT - Đảng ủy xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa